

KẾ HOẠCH

Thực hiện Mục tiêu phát triển bền vững đối với đồng bào dân tộc thiểu số lĩnh vực giáo dục và đào tạo giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Hoà Bình

Thực hiện Quyết định số 3033/QĐ-BGDĐT ngày 30 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) ban hành Kế hoạch thực hiện Mục tiêu phát triển bền vững đối với đồng bào dân tộc thiểu số (DTTS) lĩnh vực giáo dục và đào tạo giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

Thực hiện Công văn số 82/ VPUBND-NVK ngày 04/10/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hoà Bình về việc thực hiện Quyết định số 3033/QĐ- BGDDT ngày 30/9/2021 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

Sở GD&ĐT xây dựng Kế hoạch thực hiện Mục tiêu phát triển bền vững đối với đồng bào DTTS lĩnh vực giáo dục và đào tạo giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Hoà Bình, cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu

Xác định các nhiệm vụ, chỉ tiêu cụ thể; xây các giải pháp thực hiện để đạt được mục tiêu phát triển bền vững đối với đồng bào DTTS lĩnh vực giáo dục và đào tạo giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; rút ngắn khoảng cách phát triển về giáo dục và đào tạo đối với đồng bào DTTS, nhất là các dân tộc có khó khăn đặc thù¹.

2. Chỉ tiêu cụ thể

(Đơn vị %)

STT	Chỉ tiêu giám sát đối với đồng bào DTTS	Đến năm 2025	Định hướng năm 2030
1	Tỷ lệ học sinh DTTS đi học chung cấp tiểu học	100	100
	Trong đó: Riêng 14 DTTS có khó khăn đặc thù	100	100
2	Tỷ lệ trẻ em DTTS nhập học đúng tuổi bậc tiểu học	99	100
	Trong đó: Riêng 14 DTTS có khó khăn đặc thù	99	100

¹ Danh sách Các dân tộc có khó khăn đặc thù giai đoạn 2021-2025 gồm: Ô –đu, Brâu, Rơ – măm, Pu Páo, Si La, Công, Bô Y, Cơ Lao, Mảng, Lô Lô, Chứt, Lự, Pà Thẻn, La Ha ban hành kèm theo Quyết định số 1227/QĐ-TTg ngày 14/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

3	Tỷ lệ học sinh DTTS hoàn thành chương trình tiểu học	>99	>99
	Trong đó: Riêng 14 DTTS có khó khăn đặc thù	>99	>99
4	Tỷ lệ học sinh DTTS hoàn thành cấp tiểu học	97	99
	Trong đó: Riêng 14 DTTS có khó khăn đặc thù	95	97
5	Tỷ lệ học sinh DTTS đi học chung cấp THCS	90	95
	Trong đó: Riêng 14 DTTS có khó khăn đặc thù	90	95
6	Tỷ lệ trẻ em DTTS đi học đúng tuổi cấp THCS	90	92
	Trong đó: Riêng 14 DTTS có khó khăn đặc thù	90	92
7	Tỷ lệ học sinh DTTS hoàn thành cấp trung học cơ sở	83	86
	Trong đó: Riêng 14 DTTS có khó khăn đặc thù	82	85
8	Tỷ lệ học sinh DTTS tốt nghiệp trung học cơ sở	98,5	99
	Trong đó: Riêng 14 DTTS có khó khăn đặc thù	95	97
9	Tỷ lệ trẻ em DTTS ngoài nhà trường ở độ tuổi đi học tiểu học	1,0	0,3
	Trong đó: Riêng 14 DTTS có khó khăn đặc thù	0,8	0,3
10	Tỷ lệ trẻ em DTTS ngoài nhà trường ở độ tuổi đi học trung học cơ sở	6,0	2,0
	Trong đó: Riêng 14 DTTS có khó khăn đặc thù	5,0	1,5
11	Tỷ lệ trẻ em DTTS dưới 5 tuổi đến trường được phát triển phù hợp về sức khỏe, học tập và tâm lý xã hội	88	90
	Trong đó: Riêng 14 DTTS có khó khăn đặc thù	88	90
12	Tỷ lệ huy động trẻ em DTTS 5 tuổi đi học mẫu giáo	99	>99
	Trong đó: Riêng 14 DTTS có khó khăn đặc thù	99	>99
13	Tỷ lệ nữ giới người DTTS từ 15 -60 tuổi biết chữ	>93	>95
	Trong đó: Riêng 14 DTTS có khó khăn đặc thù	91	93
14	Tỷ lệ người DTTS từ 15-60 tuổi biết chữ	98	>99
	Trong đó: Riêng 14 DTTS có khó khăn đặc thù	93	95

15	Tỷ lệ trường phổ thông dân tộc nội trú, phổ thông dân tộc bán trú (PTDTNT, PTDTBT), trường phổ thông có học sinh bán trú có chương trình GD cơ bản về giới tính, phòng chống bạo lực, xâm hại, cung cấp kiến thức về HIV	100	100
16	Tỷ lệ giáo viên trường PTDTNT, PTDTBT, trường phổ thông có học sinh bán trú đạt chuẩn trình độ được đào tạo trở lên	<100	100

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về GD&ĐT trong thực hiện Mục tiêu phát triển bền vững đối với đồng bào DTTS

a) Tiếp tục rà soát, sắp xếp quy mô, mạng lưới trường, lớp học để đáp ứng, đảm bảo thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018, gắn với nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục, đào tạo; nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục các cấp học.

b) Tăng cường công tác tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp, các ngành, gia đình và cộng đồng về việc đảm bảo tất cả trẻ em DTTS được tiếp cận với giáo dục; tất cả trẻ em gái và trai DTTS đều được bình đẳng trong tiếp cận giáo dục.

c) Sở GD&ĐT, các đơn vị, trường học tăng cường tham mưu lồng ghép các chỉ tiêu về phát triển bền vững trong giáo dục đối với đồng bào DTTS vào chương trình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương để chỉ đạo thực hiện. Đưa kết quả thực hiện các chỉ tiêu về phát triển bền vững trong giáo dục đối với đồng bào DTTS vào tiêu chí đánh giá, bình xét thi đua hằng năm.

d) Tăng cường công tác kiểm tra, đánh giá việc thực hiện các Mục tiêu phát triển bền vững về giáo dục đối với đồng bào DTTS.

2. Tăng cường bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo cán bộ quản lý giáo dục công tác vùng DTTS&MN đạt chuẩn về trình độ đào tạo đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục

a) Rà soát, đánh giá thực trạng chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục vùng DTTS&MN, đặc biệt tại các trường PTDTNT, PTDTBT theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp để xây dựng kế hoạch đào tạo đội ngũ đạt chuẩn và đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

b) Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn cho giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục các cấp học vùng DTTS&MN về nội dung, phương pháp dạy học phù hợp với học sinh nhằm đáp ứng yêu cầu thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018; bồi dưỡng, tập huấn nâng cao năng lực xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường, kỹ năng lồng ghép các nội dung giáo dục trong quản lý và dạy học cho đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục vùng DTTS&MN để tổ chức tốt các hoạt động giáo dục học sinh về kỹ năng sống, giáo dục thể chất, giáo dục văn hóa dân tộc ...; bồi dưỡng, tập huấn nâng cao năng lực cho đội ngũ giáo viên, công tác viên tham gia công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ vùng DTTS&MN; bồi

duỡng, tập huấn nâng cao năng lực dạy tiếng DTTS cho đội ngũ nhà giáo vùng DTTS&MN.

3. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý giáo dục dân tộc

a) Thực hiện công tác thống kê, rà soát, đánh giá tình hình thực hiện Mục tiêu phát triển bền vững đối với đồng bào DTTS, đặc biệt là theo dõi các chỉ số của nhóm các dân tộc có khó khăn đặc thù để đề xuất chính sách kịp thời thúc đẩy sự phát triển về GD&ĐT của các DTTS và rút ngắn khoảng cách đạt được về các chỉ tiêu phát triển bền vững.

b) Cập nhật phần mềm thống kê công tác phổ cập giáo dục - xóa mù chữ; đánh giá đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non, tách số liệu theo từng dân tộc và giới tính.

c) Triển khai có hiệu quả phần mềm quản lý trường học (SMAS, VNEDU) và CSDL ngành nhằm quản lý, theo dõi, đánh giá phân tích số liệu thống kê các số liệu phục vụ đánh giá các chỉ tiêu của Kế hoạch.

4. Ưu tiên và huy động các nguồn lực để tăng cường đầu tư cơ sở vật chất trường lớp vùng DTTS&MN

a) Huy động các nguồn vốn, vận động thu hút sự hỗ trợ về vật chất và kỹ thuật của các tổ chức, cá nhân để tăng cường đầu tư, phát triển giáo dục vùng DTTS&MN; tham mưu UBND tỉnh chú trọng hỗ trợ ngân sách cho công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ, dạy học tiếng DTTS...trong các trường học vùng DTTS&MN đặc biệt là người học tại các trường PTDTNT, PTDTBT, trường phổ thông có học sinh bán trú.

b) Tiếp tục tham mưu UBND tỉnh ưu tiên nguồn lực để triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021-2030, nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực DTTS. Chú trọng đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các trường PTDTNT, PTDTBT theo hướng kiên cố hóa, chuẩn hóa đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông và đảm bảo các điều kiện để chăm sóc, giáo dục học sinh nội trú, bán trú, đẩy mạnh công tác xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào DTTS.

c) Đẩy mạnh việc thực hiện Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 588/QĐ-TTg ngày 17/5/2019 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án “Vận động nguồn lực xã hội hỗ trợ trẻ em các xã đặc biệt khó khăn thuộc vùng DTTS&MN giai đoạn 2019-2025”; Kế hoạch số 29/KH-BGDĐT ngày 11/01/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Kết nối nguồn lực xã hội xây dựng trường học an toàn, thân thiện cho trẻ em, học sinh giai đoạn 2021-2025 nhằm đẩy mạnh kết nối nguồn lực xã hội, giúp các địa phương, các cơ sở giáo dục xây dựng, tu bổ trường lớp theo tiêu chí quy định, đảm bảo điều kiện và môi trường học tập an toàn, thân thiện cho trẻ em, học sinh.

d) Tích cực tham mưu để ưu tiên nguồn lực và lồng ghép hoạt động nhằm thực hiện hiệu quả các nội dung giáo dục bình đẳng giới theo Quyết định 1898/QĐ-TTg ngày 28/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Hỗ trợ hoạt động bình đẳng giới giai đoạn 2018-2025” đảm bảo 100% các trường,

lớp bán trú và dân tộc nội trú được tuyên truyền kỹ năng sống, về giới và bình đẳng giới với nội dung và thời lượng phù hợp với lứa tuổi.

e) Ưu tiên đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học trực tuyến cho các trung tâm học tập cộng đồng vùng đồng bào DTTS&MN để đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong tổ chức các hoạt động giáo dục, học tập, dịch vụ giáo dục cho người dân góp phần hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ theo Quyết định số 1373/QĐ-TTg ngày 30/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030” và Kế hoạch số 215/KH-UBND ngày 19/11/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình về thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030”.

f) Tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất, đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học theo Quyết định số 1436/QĐ-TTg ngày 29/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án bảo đảm cơ sở vật chất cho chương trình giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông giai đoạn 2017-2025 và Kế hoạch số 139/KH-UBND ngày 26/7/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hoà Bình về thực hiện Đề án đảm bảo cơ sở vật chất cho chương trình giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông giai đoạn 2019-2025 trên địa bàn tỉnh Hoà Bình.

5. Thực hiện hiệu quả các chính sách đối với đồng bào DTTS trong lĩnh vực giáo dục

a) Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các chính sách của Nhà nước đối với người học là người DTTS và người học là người DTTS rất ít người nhằm tăng tỷ lệ trẻ trong độ tuổi mầm non ra lớp, học sinh DTTS hoàn thành các cấp học tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông. Đặc biệt là việc triển khai có hiệu quả Nghị quyết số 27/2021/NQ-HĐND ngày 29/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hoà Bình quy định mức hỗ trợ đối với trẻ em, giáo viên mầm non và cơ sở giáo dục mầm non độc lập dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Hoà Bình và Nghị quyết số 31/2021/NQ-HĐND ngày 29/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hoà Bình quy định mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên công lập năm học 2021-2022 trên địa bàn tỉnh Hòa Bình.

b) Triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả các chính sách cử tuyển và dự bị đại học nhằm tăng tỷ lệ người DTTS đặc biệt là các DTTS trong nhóm có khó khăn đặc thù học các chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng và đại học.

c) Rà soát, đề xuất chính sách đặc biệt là các chính sách cho trẻ em gái, học sinh nữ DTTS nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho trẻ em, học sinh người DTTS đặc biệt là nhóm dân tộc có khó khăn đặc thù được đảm bảo quyền lợi học tập gắn với các điều kiện bảo đảm chất lượng, đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình giáo dục phổ thông và đảm bảo chăm sóc tốt sức khỏe sinh sản vị thành niên cho học sinh DTTS và ngăn chặn các hủ tục lạc hậu còn tồn tại ở một số DTTS đặc biệt là nạn tảo hôn, kết hôn cận huyết thống của đồng bào DTTS.

d) Rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung hệ thống văn bản quy phạm pháp luật quy định về tổ chức và hoạt động của các trường PTDTNT, PTDTBT.

đ) Tiếp tục thực hiện các chính sách đối với nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục vùng DTTS&MN và các chính sách đối với người dạy, người học xóa mù chữ; giáo viên, quản lý và những người tham gia thực hiện công tác xóa mù chữ ở các xã, thôn đặc biệt khó khăn vùng DTTS&MN giáo viên làm công tác xóa mù chữ ở các xã, thôn đặc biệt khó khăn vùng DTTS&MN.

6. Tăng cường các giải pháp huy động trẻ em, học sinh DTTS đi học, học hết cấp học; vận động người lớn đặc biệt là phụ nữ DTTS đi học xóa mù chữ

a) Tiếp tục thực hiện các giải pháp huy động trẻ em vùng DTTS&MN ra lớp mầm non và đi học tiểu học đúng độ tuổi; học sinh DTTS đến lớp sau nghỉ hè, lễ, tết. Quan tâm triển khai thực hiện dạy học các môn tiếng DTTS trong trường phổ thông để thu hút học sinh đến trường.

b) Đa dạng và linh hoạt các hình thức tổ chức dạy học xóa mù chữ, giáo dục tiếp tục sau khi biết chữ cho đồng bào DTTS, đặc biệt đối với phụ nữ người DTTS.

c) Tiếp tục triển khai thực hiện Kế hoạch số 98/KH-UBND ngày 10/7/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hoà Bình về thực hiện Đề án “Tăng cường tiếng Việt cho trẻ em mầm non, học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2018-2020, định hướng đến 2025” trên địa bàn tỉnh Hoà Bình; chú trọng các nội dung, phương pháp dạy học phù hợp với học sinh DTTS nhằm thu hút học sinh đi học, nhập học đúng độ tuổi và hoàn thành cấp tiểu học, trung học cơ sở.

d) Tăng cường các giải pháp thiết thực nhằm nâng cao nhận thức cho cộng đồng và cha mẹ học sinh trong việc tạo điều kiện cho trẻ em gái người DTTS đi học. Xây dựng môi trường giáo dục thân thiện, thân thiện đối với học sinh người DTTS; tạo môi trường học tập thân thiện gần gũi với học sinh nhằm nâng cao tỉ lệ học sinh, trẻ em gái DTTS đi học ở các cấp học.

đ) Tiếp tục triển khai có hiệu quả các hoạt động giáo dục đặc thù trong trường PTDTNT, PTDTBT; xây dựng các mô hình trường học gắn với thực tiễn; triển khai thực hiện giảng dạy tích hợp nội dung truyền thống lịch sử, văn hóa địa phương và tư tưởng đạo đức phong cách Hồ Chí Minh trong các cơ sở giáo dục.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các phòng chức năng, chuyên môn nghiệp vụ Sở Giáo dục và Đào tạo

a) Phòng Chính trị tư tưởng và Giáo dục thường xuyên chuyên nghiệp

- Chủ trì, phối hợp với các phòng Giáo dục Mầm non và Giáo dục Tiểu học, Giáo dục Trung học căn cứ Kế hoạch này tăng cường chỉ đạo, phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, đơn vị có liên quan để triển khai các nhiệm vụ nhằm đạt được các chỉ tiêu đề ra về giáo dục mầm non có chất lượng, phổ cập giáo dục tiểu học, trung học cơ sở và các mục tiêu về bình đẳng giới trong tiếp cận giáo dục đối với đồng bào DTTS; tham mưu cho UBND tỉnh các văn bản chỉ đạo để thúc đẩy, hỗ trợ các địa phương thực hiện hoàn thành mục tiêu Kế hoạch.

- Theo dõi, đánh giá, tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện các Mục tiêu phát triển bền vững đối với đồng bào DTTS lĩnh vực GD&ĐT giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 và các kiến nghị, đề xuất của các đơn vị.

b) Phòng Tổ chức cán bộ

- Chủ trì, rà soát, đánh giá thực trạng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục vùng DTTS&MN.

- Phối hợp với phòng Giáo dục Mầm non và Giáo dục Tiểu học, Giáo dục Trung học xây dựng kế hoạch, tổ chức bồi dưỡng, tập huấn cho giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục các cấp học vùng DTTS&MN về nội dung, phương pháp dạy học phù hợp đáp ứng yêu cầu thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018; bồi dưỡng, tập huấn nâng cao năng lực xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường, kỹ năng lồng ghép các nội dung giáo dục trong quản lý và dạy học cho đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục vùng DTTS&MN nhất là đội ngũ nhà giáo công tác tại các trường PTDTNT, PTDTBT, trường phổ thông có học sinh bán trú và đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên người DTTS đạt chuẩn trình độ được đào tạo trở lên theo chỉ tiêu đã đề ra của Kế hoạch này.

c) Phòng Kế hoạch - Tài chính chủ trì, phối hợp với các phòng chuyên môn, nghiệp vụ, các cơ quan liên quan trong việc tham mưu chế độ, chính sách đối với trẻ em, học sinh, sinh viên vùng DTTS&MN; tham mưu bố trí, huy động nguồn lực thúc đẩy hoàn thành các Mục tiêu phát triển bền vững về GD&ĐT đối với đồng bào DTTS. Xây dựng, quản lý Hệ thống Cơ sở dữ liệu toàn ngành, trong đó có dữ liệu theo dõi việc thực hiện các chỉ tiêu phát triển bền vững đối với đồng bào DTTS lĩnh vực GD&ĐT.

2. Các phòng giáo dục và đào tạo, các đơn vị trường học trực thuộc Sở, các Trung tâm GDNN-GDTX

- Căn cứ Kế hoạch thực hiện Mục tiêu phát triển bền vững đối với đồng bào DTTS lĩnh vực GD&ĐT, xây dựng và thực hiện kế hoạch cụ thể hằng năm và theo từng giai đoạn.

- Tham mưu lồng ghép các chỉ tiêu về phát triển bền vững trong giáo dục đối với đồng bào DTTS vào chương trình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương để chỉ đạo thực hiện.

3. Chế độ báo cáo

- Trưởng phòng GD&ĐT, thủ trưởng các cơ sở giáo dục thường xuyên báo cáo tình hình thực hiện Mục tiêu phát triển bền vững đối với đồng bào DTTS lĩnh vực GD&ĐT với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương để kịp thời chỉ đạo, giải quyết những khó khăn vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện.

- Phòng GD&ĐT, các đơn vị trực thuộc Sở định kỳ (ngày 15/6 hằng năm) báo cáo kết quả thực hiện Mục tiêu phát triển bền vững đối với đồng bào DTTS lĩnh vực GD&ĐT của địa phương về Sở GD&ĐT, bản điện tử gửi về địa chỉ email: p.cttt@hoabinh.edu.vn./.

Nơi nhận:

- GD, các PGD Sở;
- Phòng GD&ĐT các huyện, TP;
- Các đơn vị trực thuộc Sở;
- Các TTGDNN-GDTX;
- Các phòng CN, CM, NV Sở;
- Website ngành;
- Lưu: VT,CTTT&GDTXCN(BH.2).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Đức Lương

